PHẦN II. CÁC VĂN BẢN KHÁC

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2441/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2010

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia đến năm 2020

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 09 tháng 6 năm 2000;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia đến năm 2020 (sau đây gọi tắt là Chương trình) với những nội dung chủ yếu sau:

I. QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO CHƯƠNG TRÌNH

1. Phát triển sản phẩm quốc gia dựa vào công nghệ mới, công nghệ cao (gọi chung là công nghệ tiên tiến) là phương thức quan trọng để chuyển hóa các thành tựu khoa học và công nghệ thành hàng hóa thương mại; là cơ sở để hình thành các ngành nghề mới và các sản phẩm có nhiều tính năng mới, có giá trị gia tăng cao; là giải pháp hữu hiệu để tăng cường năng lực phát triển của các doanh nghiệp, các tổ chức khoa học và công nghệ.

2. Nhà nước có chính sách đặc biệt để phát triển sản phẩm quốc gia, thúc đẩy phát triển thị trường trong nước, tiến tới đẩy mạnh xuất khẩu ra khu vực và thế giới.

II. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH

1. Mục tiêu chung

Hình thành, phát triển các sản phẩm hàng hóa thương hiệu Việt Nam bằng công nghệ tiên tiến, có khả năng cạnh tranh về tính mới, về chất lượng và giá thành dựa trên việc khai thác các lợi thế so sánh về nhân lực, tài nguyên và điều kiện tự nhiên của đất nước; tăng cường chuyển giao công nghệ, tiếp thu, làm chủ và ứng dụng công nghệ vào các ngành kinh tế - kỹ thuật, công nghiệp then chốt; nâng cao năng lực đổi mới công nghệ của doanh nghiệp và tiềm lực công nghệ quốc gia.

2. Mục tiêu cụ thể

Giai đoạn 2011 - 2015

- Hình thành, phát triển tối thiểu 10 sản phẩm dựa trên công nghệ tiên tiến và do các doanh nghiệp khoa học và công nghệ sản xuất; phát triển và mở rộng thị trường của sản phẩm quốc gia.

- Tạo cơ sở vật chất kỹ thuật, đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ có đủ năng lực tiếp thu, làm chủ, bản địa hóa và tiến tới tự chủ, sáng tạo công nghệ đáp ứng yêu cầu phát triển sản xuất các sản phẩm quốc gia khác thay thế nhập khẩu và tăng cường xuất khẩu, tạo tiền đề hình thành các ngành nghề mới.

Giai đoạn 2016 - 2020

- Mở rộng quy mô sản xuất, nâng cao chất lượng các sản phẩm để đạt hoặc tiếp cận tiêu chuẩn quốc tế đối với các sản phẩm được triển khai trong giai đoạn 2011 - 2015; mở rộng thị phần trong nước, tăng cường xuất khẩu, xây dựng thương hiệu sản phẩm Việt Nam trên thị trường quốc tế.

- Tiếp tục hình thành và phát triển những sản phẩm quốc gia mới và các doanh nghiệp khoa học và công nghệ trên cơ sở phát huy tiềm lực khoa học và công nghệ trong nước kết hợp với nguồn lực bên ngoài nhằm tạo bước đột phá phát triển một số ngành, lĩnh vực kinh tế - kỹ thuật.

III. SẢN PHẨM QUỐC GIA

1. Sản phẩm quốc gia là sản phẩm thuộc các lĩnh vực ưu tiên phát triển của Nhà nước, được sản xuất, chế tạo dựa trên các kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ với những nguyên lý công nghệ mới và ý tưởng thiết kế mới, nâng cao đáng kể hiệu suất hoặc tính năng của sản phẩm.

2. Tiêu chí chung

a) Sản phẩm ứng dụng các kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ tiên tiến, có sức cạnh tranh cao, được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ và có ý nghĩa quan trọng đối với các ngành kinh tế - kỹ thuật chủ lực của đất nước;

b) Sản phẩm có quy mô sản xuất lớn, có giá trị gia tăng cao, góp phần thay thế nhập khẩu hoặc mang lại giá trị xuất khẩu cao;

c) Sản phẩm có khả năng phát huy các lợi thế về nhân lực, tài nguyên và điều kiện tự nhiên của đất nước, có tiềm năng thị trường tiêu thụ lớn, ý nghĩa xã hội quan trọng, góp phần tạo nên các ngành kinh tế - kỹ thuật chủ lực của đất nước.

3. Định hướng lĩnh vực ưu tiên

a) Những ngành công nghiệp then chốt: tập trung vào các sản phẩm mới trong lĩnh vực điện tử, cơ khí - chế tạo máy, hóa chất, năng lượng, luyện kim - vật liệu, công nghiệp hạ tầng, giúp duy trì tăng trưởng kinh tế, tiêu dùng nội địa và tối ưu hóa cơ cấu công nghiệp;

b) Những ngành công nghiệp mới tạo ra giá trị gia tăng cao, thúc đẩy tốc độ tăng trưởng kinh tế, tập trung vào những sản phẩm mới trong lĩnh vực thông tin và truyền thông, sinh học, cơ điện tử, vật liệu mới, năng lượng mới;

c) Phát triển nông nghiệp và nông thôn: tập trung vào các sản phẩm mới có lợi thế cạnh tranh, phục vụ cho quá trình chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông nghiệp và nông thôn;

d) Những ngành công nghiệp bảo vệ môi trường và tiết kiệm năng lượng;

đ) Những ngành nghề khác có tiềm năng và lợi thế so sánh: tập trung vào các sản phẩm mới do các doanh nghiệp khoa học và công nghệ phát triển.

IV. NỘI DUNG CỦA CHƯƠNG TRÌNH

1. Nghiên cứu và phát triển các sản phẩm quốc gia

a) Triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ nhằm nghiên cứu, ứng dụng và phát triển các công nghệ tiên tiến, dây chuyền công nghệ, thiết bị tiên tiến, đổi mới, hiện đại hóa thiết kế sản phẩm, từ đó có khả năng tạo ra các sản phẩm có sức cạnh tranh và giá trị gia tăng cao;

b) Tìm kiếm, lựa chọn nhập khẩu công nghệ cao, tập trung nghiên cứu giải mã, thử nghiệm công nghệ nhằm thích nghi, làm chủ, tiến tới bản địa hóa công nghệ phù hợp với điều kiện thực tế của Việt Nam;

c) Hợp tác nghiên cứu, trao đổi chuyên gia để giải quyết những vấn đề khoa học và công nghệ phức tạp ở trình độ quốc tế, đẩy nhanh việc hình thành các nhóm nghiên cứu mạnh đủ năng lực tiếp thu, làm chủ và sáng tạo công nghệ.

2. Sản xuất thử nghiệm sản phẩm quốc gia, hình thành doanh nghiệp đi tiên phong sản xuất sản phẩm quốc gia

a) Nghiên cứu hoàn thiện công nghệ: thiết kế, chế tạo thiết bị và dây chuyền sản xuất thử nghiệm; mua sắm, nhập khẩu máy móc thiết bị chuyên dụng trong nước chưa sản xuất được phục vụ trực tiếp cho dự án phát triển sản phẩm quốc gia;

b) Thực hiện các hoạt động chuyển giao công nghệ: chuyển giao quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng, vật nuôi, chuyển giao bí quyết công nghệ; xây dựng và hoàn thiện quy trình sản xuất sản phẩm có chất lượng cao và giá cạnh tranh trên thị trường;

c) Sản xuất ở quy mô thử nghiệm; kiểm tra, đánh giá, hoàn thiện công nghệ để phát triển quy mô và năng lực sản xuất các sản phẩm quốc gia;

d) Thúc đẩy phát triển các doanh nghiệp khoa học và công nghệ đi tiên phong sản xuất sản phẩm quốc gia.

3. Thương mại hóa sản phẩm và phát triển thị trường, hình thành ngành kinh tế - kỹ thuật dựa trên sản phẩm quốc gia

a) Tổ chức xúc tiến đầu tư và xúc tiến thương mại; tham gia các loại hình hội thảo, triển lãm, hội chợ thiết bị và công nghệ ở trong nước và quốc tế; phát triển các trung tâm giao dịch sản phẩm tại các vùng kinh tế lớn;

b) Phát triển các dịch vụ tư vấn xây dựng chỉ dẫn địa lý, xuất xứ hàng hóa, đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, thương hiệu Việt Nam; đẩy mạnh áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng hiện đại và các hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn tiên tiến;

c) Từng bước phát triển các doanh nghiệp hỗ trợ sản xuất sản phẩm quốc gia, tham gia chuỗi giá trị toàn cầu, làm nền tảng phát triển công nghiệp hỗ trợ; hình thành ngành kinh tế - kỹ thuật dựa trên sản phẩm quốc gia.

V. CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ

a) Đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ và năng lực làm chủ công nghệ, quản trị công nghệ cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu, cán bộ kỹ thuật và quản lý để sớm hình thành đội ngũ chuyên gia, kỹ sư trưởng, công trình sư,

giám đốc kỹ thuật. Thúc đẩy hình thành số lượng đông đảo các doanh nghiệp sản xuất sản phẩm quốc gia, trọng tâm là doanh nghiệp khoa học và công nghệ;

b) Lựa chọn một số tổ chức khoa học và công nghệ có tiềm lực khoa học công nghệ để hình thành các trung tâm ươm tạo. Ưu tiên đầu tư nâng cấp, xây dựng mới một số trung tâm nghiên cứu và triển khai, phòng thí nghiệm, xưởng thực nghiệm và trạm thử nghiệm cho công tác nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ và hoạt động sản xuất thử nghiệm các sản phẩm quốc gia với ưu đãi cao nhất về đất để xây dựng các cơ sở này;

c) Nhà nước ưu tiên và tập trung đủ kinh phí cho các hoạt động tìm kiếm thông tin về công nghệ, mua quyền sở hữu, quyền sử dụng và bí quyết công nghệ; bảo đảm kinh phí cho nghiên cứu tạo ra công nghệ mới trong nước, thuê chuyên gia, tư vấn nước ngoài.

2. Đẩy mạnh hoạt động chuyển giao công nghệ, hoàn thiện công nghệ và sản xuất thử nghiệm sản phẩm quốc gia

a) Nhà nước hỗ trợ một phần hoặc toàn bộ chi phí cho hoạt động chuyển giao công nghệ theo các đối tượng, hình thức và phương thức quy định tại Điều 7, Điều 12 và Điều 18 Luật Chuyển giao công nghệ;

b) Đề tài nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ ngoài các nội dung chi theo quy định hiện hành, được sử dụng kinh phí để mua bản quyền và công cụ phần mềm; giống cây trồng, vật nuôi; thiết bị, tài liệu kỹ thuật, thông tin sở hữu trí tuệ, bí quyết công nghệ; nhập khẩu sản phẩm mẫu để phân tích và giải mã công nghệ; thuê chuyên gia tư vấn nước ngoài để đánh giá, định giá và giải mã công nghệ;

c) Dự án sản xuất thử nghiệm được nhà nước xem xét hỗ trợ tối đa 50% tổng mức kinh phí đầu tư dự án không bao gồm giá trị còn lại hoặc chi phí khấu hao trang thiết bị, nhà xưởng đã có;

d) Nhà nước hỗ trợ kinh phí kiểm tra, đánh giá chất lượng sản phẩm trong giai đoạn sản xuất lô số không; xây dựng các tiêu chuẩn quản lý chất lượng, xác lập quyền sở hữu trí tuệ đối với các sản phẩm quốc gia.

3. Hỗ trợ các doanh nghiệp, tổ chức khoa học và công nghệ sản xuất sản phẩm quốc gia

a) Về tín dụng

- Vay vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước từ Ngân hàng Phát triển Việt Nam tối đa 85% tổng mức vốn đầu tư của dự án (không bao gồm vốn lưu động) với lãi suất cho vay, thời hạn cho vay và thời hạn ân hạn với mức ưu đãi cao nhất;

- Xem xét bảo lãnh vốn vay, cho vay lại với lãi suất ưu đãi đối với các trường hợp cụ thể khi có nhu cầu vay vốn ODA hoặc của tổ chức tài chính quốc tế.

b) Về thuế

Doanh nghiệp sản xuất sản phẩm quốc gia được hưởng ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế nhập khẩu, xuất khẩu, thuế giá trị gia tăng đối với sản phẩm quốc gia và các linh phụ kiện phụ trợ theo quy định của pháp luật.

c) Về sử dụng đất

- Doanh nghiệp có dự án đầu tư mới, đầu tư mở rộng, đầu tư chiều sâu để sản xuất sản phẩm quốc gia được ưu tiên bố trí địa điểm trong các khu, cụm, điểm công nghiệp, khu công nghệ cao;

- Tổ chức khoa học và công nghệ, doanh nghiệp xây dựng phòng thí nghiệm, xưởng thực nghiệm và trạm thử nghiệm phục vụ nghiên cứu sản phẩm quốc gia được nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất hoặc thuê đất với ưu đãi cao nhất về tiền sử dụng đất hoặc tiền thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

4. Hỗ trợ xúc tiến thương mại và phát triển thị trường

a) Sản phẩm quốc gia và doanh nghiệp sản xuất sản phẩm quốc gia được ưu tiên tham gia vào các chương trình xúc tiến đầu tư, xúc tiến thương mại của Nhà nước;

b) Nhà nước khuyến khích và hỗ trợ doanh nghiệp các điều kiện cần thiết để tham gia các hội chợ, triển lãm trong nước và quốc tế;

c) Doanh nghiệp sản xuất, cung ứng đầu vào cho sản xuất sản phẩm quốc gia hoặc doanh nghiệp mua các sản phẩm quốc gia mới trong các dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước được áp dụng hình thức chỉ định thầu hoặc giao thầu theo quy định của pháp luật;

d) Phát triển các tổ chức, dịch vụ tư vấn, hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng các tiêu chuẩn quản lý chất lượng quốc tế và xác lập quyền sở hữu trí tuệ đối với nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý và các đối tượng sở hữu trí tuệ khác của sản phẩm;

đ) Nhà nước hỗ trợ và tạo điều kiện cho các doanh nghiệp mở rộng liên kết, bảo đảm nguyên liệu chế biến, phân phối sản phẩm trên thị trường.

VI. KINH PHÍ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Kinh phí thực hiện Chương trình được bảo đảm từ các nguồn:

a) Ngân sách nhà nước, gồm:

- Kinh phí đầu tư phát triển và kinh phí sự nghiệp;

- Vốn ODA, viện trợ của nước ngoài.

b) Vốn tín dụng từ Ngân hàng Phát triển Việt Nam và các ngân hàng thương mại;

c) Kinh phí từ các doanh nghiệp;

d) Kinh phí từ các Quỹ;

đ) Kinh phí huy động từ các nguồn hợp pháp khác.

2. Hàng năm, căn cứ vào mục tiêu, nội dung Chương trình, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ưu tiên bố trí kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ thuộc Chương trình.

3. Doanh nghiệp và các tổ chức khoa học và công nghệ đề xuất dự án sản xuất sản phẩm quốc gia phải xây dựng phương án huy động nguồn tài chính được tổ chức tài chính, tín dụng xác nhận.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Ban Chỉ đạo Chương trình

Ban Chỉ đạo Chương trình do Thủ tướng Chính phủ thành lập, gồm: Phó Thủ tướng làm Trưởng ban và Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ làm Phó Trưởng ban; các thành viên là đại diện lãnh đạo các Bộ, ngành: Khoa học và Công nghệ, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Công thương, Y tế, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Văn phòng Chính phủ.

Ban Chỉ đạo Chương trình hoạt động theo Quy chế do Trưởng Ban Chỉ đạo phê duyệt.

2. Trách nhiệm các Bộ, ngành, địa phương

a) Bộ Khoa học và Công nghệ

- Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương xây dựng các văn bản hướng dẫn thực hiện Chương trình bao gồm: xây dựng tiêu chí cụ thể xác định sản phẩm quốc gia, cơ chế hỗ trợ hoạt động chuyển giao công nghệ và xác định Danh mục các cụm linh kiện phức tạp của từng sản phẩm; hướng dẫn xây dựng và quản lý dự án thuộc Chương trình;

- Chủ trì, phối hợp các Bộ, ngành đề xuất Danh mục sản phẩm quốc gia, thông qua Ban Chỉ đạo Chương trình, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;

- Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, lĩnh vực thẩm định dự án nghiên cứu, dự án đầu tư sản xuất sản phẩm quốc gia và ra quyết định phê duyệt. Đối với các dự án lớn, phức tạp, có tính liên ngành trình Trưởng Ban Chỉ đạo phê duyệt;

- Tổng hợp dự toán kinh phí từ ngân sách nhà nước cho các dự án được triển khai ở các Bộ, ngành, địa phương để Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính cân đối, bố trí vào kế hoạch hàng năm;

- Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương và cơ quan có liên quan tổ chức thực hiện có hiệu quả, đúng tiến độ các nội dung của Chương trình, định kỳ hàng năm báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả thực hiện;

- Phối hợp với các Bộ, ngành hướng dẫn việc phát triển các tổ chức dịch vụ tư vấn xây dựng chỉ dẫn địa lý, xuất xứ hàng hóa, đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, thương hiệu Việt Nam.

b) Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ cân đối, bố trí và hướng dẫn sử dụng kinh phí đầu tư phát triển, kinh phí sự nghiệp để triển khai, thực hiện có hiệu quả và đúng tiến độ các nhiệm vụ của Chương trình được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; cân đối, bố trí hàng năm vốn đầu tư nâng cấp, xây dựng phòng thí nghiệm, xưởng thực nghiệm và trạm thử nghiệm cho các dự án phát triển sản phẩm quốc gia thuộc Chương trình;

c) Bộ Tài chính

Chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ và các Bộ, ngành, địa phương có liên quan xây dựng các cơ chế tài chính, chính sách ưu đãi về tài chính có liên quan đến thuế, tín dụng, lãi suất ngân hàng; cân đối và bố trí kinh phí từ ngân sách nhà nước, huy động vốn hỗ trợ phát triển để thực hiện các dự án thuộc Chương trình;

d) Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ và các Bộ, ngành, địa phương có liên quan xây dựng các văn bản hướng dẫn tổ chức khoa học và công nghệ, doanh nghiệp thủ tục vay vốn ưu đãi, bảo lãnh vốn vay để hỗ trợ phát triển các sản phẩm quốc gia;

đ) Bộ Công thương

Chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ và các Bộ, ngành, địa phương có liên quan xây dựng và triển khai các giải pháp, chính sách liên quan đến phát triển sản xuất, xúc tiến thương mại, phát triển thị trường sản phẩm quốc gia và phát triển công nghiệp hỗ trợ;

e) Các Bộ, ngành, địa phương

Phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ đề xuất Danh mục các sản phẩm quốc gia, dự án phát triển sản phẩm quốc gia, chỉ đạo các tổ chức chủ trì thực hiện dự án phát triển sản phẩm quốc gia thuộc Bộ, ngành, địa phương quản lý.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Trưởng Ban Chỉ đạo Chương trình, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tấn Dũng